ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 274/KH-UBND	*Long Khánh, ngày 28 tháng 02 năm 2025*

KẾ HOẠCH
Triển khai thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp trên địa bàn thành phố Long Khánh năm 2025.

Căn cứ Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;

Căn cứ Công văn số 1048/STNMT-MT ngày 10/02/2025 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc báo cáo kết quả năm 2024 và xây dựng kế hoạch năm 2025 đối với công tác thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

UBND thành phố Long Khánh xây dựng Kế hoạch thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp năm 2025 trên địa bàn thành phố như sau:

I. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU:

Tiếp tục thực hiện thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp trên địa bàn thành phố Long Khánh nhằm từng bước hạn chế và khắc phục ô nhiễm môi trường, sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên nước và đóng góp nguồn kinh phí vào quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam góp phần giải quyết các vấn đề môi trường ở địa phương.

Hình thành nguồn kinh phí để giải quyết các vấn đề môi trường của địa phương:

- Phòng chống, ngăn ngừa sự suy thoái môi trường; khắc phục các sự cố môi trường do thiên tai và hoạt động công nghiệp gây ra.

- Quy hoạch và cải thiện chất lượng môi trường trong công nghiệp hóa và đô thị hóa.

- Đầu tư các công trình cải tạo, duy tu, bảo dưỡng hệ thống thoát nước, xử lý các chất thải gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn thành phố.

- Thông tin tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho cộng đồng.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN:

1. Đối tượng chịu phí:

- Các tổ chức, đơn vị, hộ kinh doanh cá thể đang hoạt động sản xuất kinh doanh trong các ngành nghề sau thuộc đối tượng chịu phí nước thải công nghiệp:

+ Cơ sở sản xuất, chế biến: Nông sản, lâm sản, thủy sản, thực phẩm, rượu, bia, nước giải khát, thuốc lá;

+ Cơ sở chăn nuôi, giết mổ: Gia súc, gia cầm quy mô trang trại theo quy định pháp luật về chăn nuôi; cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm;

+ Cơ sở nuôi trồng thủy sản thuộc diện phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường theo quy định;

+ Cơ sở sản xuất thủ công nghiệp trong các làng nghề;

+ Cơ sở: thuộc da, tái chế da, dệt, nhuộm, may mặc;

+ Cơ sở: khai thác, chế biến khoáng sản;

+ Cơ sở sản xuất: Giấy, bột giấy, nhựa, cao su; linh kiện, thiết bị điện, điện tử;

+ Cơ sở cơ khí, luyện kim, gia công kim loại, chế tạo máy và phụ tùng;

+ Cơ sở: sơ chế phế liệu, phá dỡ tàu cũ, vệ sinh súc rửa tàu, xử lý chất thải;

+ Cơ sở: Hóa chất cơ bản, phân bón, dược phẩm, thuốc bảo vệ thực vật, vật liệu xây dựng, văn phòng phẩm, đồ gia dụng;

+ Nhà máy cấp nước sạch, máy thủy điện.

+ Hệ thống xử lý nước thải tập trung tại khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, cảng cá, khu công nghệ cao và các khu khác;

+ Cơ sở sản xuất, chế biến khác có phát sinh nước thải từ hoạt động sản xuất, chế biến.

2. Đối tượng không phải nộp phí:

Đối tượng không chịu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp bao gồm:

- Nước xả ra từ các nhà máy thủy điện.

- Nước biển dùng vào sản xuất muối xả ra.

- Nước làm mát (theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường) không trực tiếp tiếp xúc với các chất gây ô nhiễm, có đường thoát riêng.

- Nước thải từ nước mưa tự nhiên chảy tràn.

- Nước thải từ các phương tiện đánh bắt thủy hải sản của ngư dân.

- Nước thải của các hệ thống xử lý nước thải tập trung khu đô thị (theo quy định tại Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải) đã xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường theo quy định trước khi thải vào nguồn tiếp nhận.

3. Đơn vị tổ chức thu phí:

UBND thành phố Long Khánh ủy quyền cho Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh các ngành nghề được quy định tại Khoản 2, Điều 2 của Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ và các cơ sở

phải lập thủ tục cấp phép môi trường hoặc có tính chất và quy mô tương ứng với các đối tượng phải lập thủ tục cấp phép môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

4. Mức thu và mức trích phí:

4.1. Mức thu phí:

Mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp được tính theo hướng dẫn của Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ được tính theo công thức, cụ thể như sau:

- Cơ sở có tổng lượng nước thải trung bình trong năm dưới 20m^3/ngày (24 giờ) áp dụng phí cố định theo khối lượng nước thải (không áp dụng mức phí biến đổi) như sau:

STT	Lưu lượng nước thải bình quân (m^3/ngày)	Mức phí (đồng/năm)
1	Từ 10 đến dưới 20	4.000.000
2	Từ 5 đến dưới 10	3.000.000
3	Dưới 5	2.500.000

- Cơ sở sản xuất, chế biến có tổng lượng nước thải trung bình trong năm từ 20m^3/ngày trở lên: tính phí theo công thức sau: F = f + C, trong đó:

+ F là số phí phải nộp;

+ f là mức phí cố định: Kể từ ngày 01/01/2021 trở đi là 4.000.000 đồng/năm; trường hợp cơ sở bắt đầu hoạt động sau quý I, số phí phải nộp tính cho thời gian từ quý cơ sở bắt đầu hoạt động đến hết năm, mức phí cho 01 quý = f/4.

+ C: Là số phí biến đổi phải nộp trong quý được tính theo công thức:

Số phí phải nộp (*đồng*) = Tổng lượng nước thải vào nguồn tiếp nhận (m^3) x Hàm lượng thông số ô nhiễm có trong nước thải (*mg/l*) x 0,001 x Mức thu phí của thông số ô nhiễm (đồng/kg).

- Mức thu phí của thông số ô nhiễm được tính theo biểu mẫu dưới đây.

STT	Thông số ô nhiễm tính phí	Mức phí (đồng/kg)
1	Nhu cầu ô xy hóa học (COD)	2.000
2	Chất rắn lơ lững (TSS)	2.400
3	Thủy ngân (Hg)	20.000.000
4	Chì (Pb)	1.000.000

5	Arsenic (As)	2.000.000
6	Cadmium (Cd)	2.000.000

4.2. Xác định lượng nước thải ra:

- Đối với các cơ sở có gắn đồng hồ đo lượng nước thải: Lượng nước thải được xác định căn cứ vào số đo trên đồng hồ, thiết bị đo lưu lượng;

- Đối với các cơ sở không có đồng hồ đo lượng nước thải thì lượng nước thải được xác định dựa trên kết quả đo đạc thực tế của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường hoặc được tính bằng 80% lượng nước sử dụng hoặc thông tin trong kế hoạch quan trắc môi trường định kỳ hàng quý.

4.3. Mức trích phí:

Để lại 25% (hai mươi lăm phần trăm) trên tổng số tiền phí bảo vệ môi trường thu được cho đơn vị tổ chức thu phí (Phòng Tài nguyên và Môi trường).

5. Quản lý, sử dụng quyết toán và công khai chế độ phí:

5.1. Quản lý, sử dụng phí:

- Để lại 25% (hai mươi lăm phần trăm) trên tổng số tiền phí bảo vệ môi trường thu được cho đơn vị tổ chức thu phí (Phòng Tài nguyên và Môi trường) để trang trải chi phí cho việc thu phí, đo đạc, đánh giá, lấy mẫu, phân tích mẫu nước thải phục vụ cho việc thẩm định tờ khai thu phí, quản lý phí, kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất đối với nước thải công nghiệp, trích để thực hiện cải cách tiền lương.

- Phần còn lại 75% (bảy mươi lăm phần trăm) trên tổng số tiền phí bảo vệ môi trường thu được nộp vào ngân sách của địa phương để sử dụng cho công tác bảo vệ môi trường; bổ sung nguồn vốn hoạt động cho Quỹ bảo vệ môi trường của tỉnh Đồng Nai.

5.2. Lập dự toán và quyết toán phí:

- Định kỳ hàng tháng, Phòng Tài nguyên và Môi trường có nghĩa vụ nộp số tiền phí thu được vào ngân sách Nhà nước. Hàng quý chậm nhất không quá ngày cuối cùng tháng thứ hai của quý tiếp theo, tổ chức thu phí tổng hợp số phí bảo vệ môi trường thu được gửi cơ quan thuế, định kỳ đối chiếu Kho bạc nhà nước nơi giao dịch.

- Hàng năm, trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày 01 tháng 01 năm tiếp theo, tổ chức thu phí thực hiện quyết toán với cơ quan thuế việc thu, nộp tiền phí bảo vệ môi trường của năm trước theo đúng chế độ quy định.

5.3. Công khai chế độ thu phí:

Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thông tin công khai số phí mà người dân, doanh nghiệp đã nộp của năm trước trên các phương tiện thông tin đại chúng như: Báo địa phương, đài phát thanh, trang thông tin điện tử của thành phố để người dân và doanh nghiệp được biết.

6. Xây dựng dự toán thu phí:

6.1. Dự kiến số lượng:

Theo kết quả thu phí Bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp năm 2024 trên địa bàn thành phố và số liệu điều tra, thống kê thông tin các cơ sở thuộc đối tượng thu phí tại các phường, xã. Tổng số cơ sở dự kiến thu trong năm 2025 khoảng **100 cơ sở**.

6.2. Dự toán thu phí:

Dự kiến thu phí Bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp năm 2025 là: **250.000.000 đồng** (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

III. BIỆN PHÁP THỰC HIỆN:

1. Đối với người nộp phí:

- Kê khai đầy đủ, đúng mẫu tờ khai, thời hạn quy định và chịu trách nhiệm về tính chính xác của việc đăng ký, kê khai; tạo điều kiện cho Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố trong việc thẩm định số phí của cơ sở, kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất các nguồn thải.

+ Đối với cơ sở sản xuất, cơ sở chế biến có lượng nước thải trung bình trong năm tính phí từ 20m^3/ngày.đêm trở lên, kê khai số phí phải nộp hàng quý theo quy định trong vòng 05 ngày đầu tháng đầu tiên của quý tiếp theo.

+ Đối với cơ sở sản xuất, chế biến có lượng nước thải trung bình trong năm tính phí dưới 20m^3/ngày.đêm, việc nộp phí theo quy định được thực hiện một lần cho cả năm theo thông báo của Phòng Tài nguyên và Môi trường, thời hạn nộp phí không muộn hơn ngày 31 tháng 3 của năm chịu phí.

- Căn cứ vào thông báo nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp, đối tượng nộp phí thực hiện nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp tại trụ sở của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố, nhưng chậm nhất không quá 10 (mười) ngày kể từ khi có Thông báo về số phí phải nộp của Phòng Tài nguyên và Môi trường.

2. Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố:

- Phối hợp với các cơ quan liên quan tiến hành rà soát, phân loại đối tượng nộp phí.

- Phát hành tờ khai nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp và hướng dẫn việc kê khai nộp phí cho các đối tượng chịu phí.

- Thẩm định tờ khai nộp phí của các đối tượng chịu phí.

- Phối hợp với Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai, lấy mẫu và phân tích mẫu nước thải để thẩm định việc kê khai nộp phí.

- Ra thông báo đến các đối tượng chịu phí.

- Mở tài khoản "Tạm thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp" tại Kho bạc Nhà nước để theo dõi, quản lý tiền phí bảo vệ môi trường

đối với nước thải công nghiệp; mở sổ sách kế toán để theo dõi riêng tiền phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp của đối tượng nộp phí trên địa bàn, theo dõi và quản lý, sử dụng tiền phí theo quy định.

- Hàng tháng, quý, năm phải quyết toán việc thu, nộp, quản lý và sử dụng nguồn phí nước thải được trích lại trong tổng số phí thu được trên địa bàn thành phố với cơ quan, đơn vị có liên quan.

- Hàng năm, tổng kết báo cáo tình hình thực hiện việc thu phí bảo vệ môi trường với UBND thành phố, Sở Tài nguyên và Môi trường.

3. Kho bạc Nhà nước thành phố:

Thực hiện hạch toán thu, chi ngân sách Nhà nước đối với phí thu được theo quy định tại Nghị định và Luật ngân sách nhà nước hiện hành.

4. Chi Cục thuế khu vực Long Khánh – Cẩm Mỹ:

- Phát hành và quản lý biên lai thu phí có sử dụng ấn chỉ thuế theo quy định hiện hành.

- Kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn và thực hiện quyết toán việc thu, nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp.

5. Phòng Tài chính - Kế hoạch:

- Hướng dẫn nghiệp vụ về tài chính cho Phòng Tài nguyên và Môi trường, đối tượng chịu phí liên quan đến phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

- Theo dõi việc quyết toán phần kinh phí để lại theo quy định.

- Cung cấp danh sách các tổ chức, hộ gia đình cá nhân đang hoạt động thuộc đối tượng chịu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải theo quy định tại Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ.

6. UBND các phường, xã:

- Phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường thông báo, hướng dẫn các cơ sở thuộc đối tượng chịu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp kê khai, nộp phí theo đúng quy định

- Phối hợp với phòng Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, đôn đốc các cơ sở thuộc đối tượng chịu phí kê khai, nộp phí đúng hạn.

- Rà soát, cung cấp danh sách, phân loại đối tượng nộp phí đối với các cơ sở thuộc đối tượng chịu phí bảo vệ môi trường trên địa bàn về Phòng Tài nguyên và Môi trường định kỳ hàng quý.

7. Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao thành phố:

- Phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường phát thanh tuyên truyền nội dung Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ để người dân và doanh nghiệp được biết và thực hiện.

- Phối hợp thực hiện thông tin công khai số phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp mà người dân, doanh nghiệp đã nộp của năm trên website thành phố, hệ thống loa phát thanh thành phố và các phường, xã.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan và UBND các phường, xã tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp trên địa bàn thành phố theo Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ. Định kỳ hàng năm đánh giá kết quả thực hiện, báo cáo UBND thành phố, Sở Tài nguyên và Môi trường theo đúng quy định.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thu phí vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp trên địa bàn thành phố Long Khánh năm 2025; Yêu cầu Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan và Chủ tịch UBND các phường, xã tổ chức thực hiện.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc kịp thời báo cáo UBND thành phố chỉ đạo, xử lý./.

Nơi nhận:
- Sở TNMT tỉnh Đồng Nai;
- CT, PCT UBTP;
- Phòng TN và MT;
- Phòng TC và KH;
- Kho bạc Nhà nước;
- Chi Cục thuế khu vực Long Khánh-Cẩm Mỹ;
- Trung tâm VH,TT&TT;
- UBND các phường, xã;
- Chánh, Phó VP;
- Lưu: VT, TH (NN).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đào Đại Giang